FADACO®

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX (sau đây gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX được thành lập theo công văn số 589/CP-ĐMDN ngày 8 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002925 ngày 23 tháng 9 năm 2003, thay đổi lần thứ 4 ngày 12 tháng 8 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay và các năm trước là sản xuất, tư vấn và cung cấp phần mềm; mua bán, lắp đặt, sửa chữa máy tính, phần mềm và các thiết bị điện tử, tin học và tự động hóa…

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1, Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lãi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 7.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

bà Đàm Thị Huyền	Chủ tịch
ông Phan Thanh Sơn	Thành viên
ông Vũ Hoàng Liên	Thành viên
ông Hoàng Hải Đường	Thành viên

Ban Giám đốc

ông Phan Thanh Sơn	Giám đốc
ông Phạm Thanh Sơn	Phó Giám đốc
ông Trần Ngọc Tuấn	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư tài chính Châu Á (FADACO) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

S.Đ.K.K.D: 0103002925 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

ông Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 2 năm 2011

FADACO
CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ
Trụ sở: Phòng 516 CT1A - ĐN1
Khu đô thị Mỹ Đình II, Hà Nội
Tel: (84-4) 3787 1195 / 2219 1196 * Fax: (84-4) 3787 1196
Email: contact@fadaco.vn
Website: www.fadaco.vn
www.fadaco.net

Số: 1058.../2011/BCTC/FADACO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn đầu tư tài chính Châu Á (FADACO), đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX (sau đây gọi là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 17. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Lưu ý trong phạm vi kiểm toán

- Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục có liên quan khác, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

S.Đ.K.K.D: 0102027166 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Vũ Khải Hoàn
Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0131/KTV

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 1315/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn	**100**		**26.403.865.776**	**23.064.398.092**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**9.439.670.707**	**8.165.158.407**
1. Tiền	111		4.439.670.707	8.165.158.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**11.422.872.956**	**8.593.010.735**
1. Phải thu của khách hàng	131		11.119.770.234	7.486.318.534
2. Trả trước cho người bán	132		390.112.307	1.199.145.048
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Phải thu khác	135		31.310.412	387.150
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(118.319.997)	(92.839.997)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**4.698.394.699**	**4.910.853.361**
1. Hàng tồn kho	141	**V.2**	4.763.018.989	4.999.786.221
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(64.624.290)	(88.932.860)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**842.927.414**	**1.395.375.589**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.770.775	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	**V.3**	813.156.639	1.395.375.589
B. Tài sản dài hạn	**200**		**2.227.429.271**	**1.104.341.147**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**1.947.407.235**	**757.589.766**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**V.4**	1.930.344.735	730.181.484
- Nguyên giá	222		*4.727.915.594*	*4.046.688.314*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(2.797.570.859)*	*(3.316.506.830)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	**V.5**	17.062.500	27.408.282
- Nguyên giá	228		*17.550.000*	*818.627.891*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(487.500)*	*(791.219.609)*
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**205.200**	**205.200**
3. Đầu tư dài hạn khác	258		205.200	205.200
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**279.816.836**	**346.546.181**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**V.6**	279.816.836	346.546.181
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**28.631.295.047**	**24.168.739.239**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả	**300**		**9.942.103.783**	**8.239.391.747**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**9.886.718.359**	**8.193.567.527**
2. Phải trả người bán	312		2.995.114.873	3.194.560.550
3. Người mua trả tiền trước	313		218.516.130	1.654.499.554
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	1.807.893.032	1.460.117.135
5. Phải trả người lao động	315		3.744.159.330	1.810.146.281
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319		260.130.742	65.702.324
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		452.362.795	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		408.541.457	8.541.683
II. Nợ dài hạn	**330**		**55.385.424**	**45.824.220**
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		55.385.424	45.824.220
B. Vốn chủ sở hữu	**400**		**18.689.191.264**	**15.929.347.492**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.8	**18.689.191.264**	**15.929.347.492**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.572.496.880	13.493.052.667
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		404.055.183	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.000.000	10.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.702.639.201	2.426.294.825
II. Nguồn kinh phí và quĩ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**28.631.295.047**	**24.168.739.239**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Đô la mỹ (USD)		720,35	731,07

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

ông Nguyễn Văn Quý
Kế toán trưởng

ông Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 17 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**54.580.996.040**	**48.556.151.395**
2. Các khoản giảm trừ	02		-	8.857.287
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**54.580.996.040**	**48.547.294.108**
4. Giá vốn hàng bán	11	**VI.2**	41.755.277.512	38.202.834.347
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**12.825.718.528**	**10.344.459.761**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**VI.3**	615.326.059	274.326.399
7. Chi phí tài chính	22		42.092.638	89.715.441
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	**VI.4**	1.975.370.396	6.136.803.077
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	**VI.5**	6.671.540.923	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**4.752.040.630**	**4.392.267.642**
11. Thu nhập khác	31		36.967.139	54.326.637
12. Chi phí khác	32		21.066.123	11.710.226
13. Lợi nhuận khác	**40**		**15.901.016**	**42.616.411**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**4.767.941.646**	**4.434.884.053**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	**VI.6**	1.065.302.445	394.978.227
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**3.702.639.201**	**4.039.905.826**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**2.639**	**2.994**

S.Đ.K.K.D: 0103002925 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

ông Nguyễn Văn Quý
Kế toán trưởng

ông Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 17 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***4.767.941.646***	***4.434.884.053***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		594.297.728	650.718.088
- Các khoản dự phòng	03		443.973.021	181.772.857
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(610.746.541)	(258.411.184)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***5.195.465.854***	***5.008.963.814***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(2.273.123.271)	(2.661.700.488)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		236.767.232	152.054.258
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		389.803.196	2.926.234.286
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		36.958.570	(118.669.913)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(619.023.406)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20.818.958	261.959.349
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(542.795.755)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***2.444.871.378***	***5.568.841.306***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.797.253.800)	(318.126.970)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		16.148.181	1.509.091
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		610.746.541	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.170.359.078)***	***(316.617.879)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**1.274.512.300**	**5.252.223.427**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**V.1**	8.165.158.407	2.912.934.980
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**9.439.670.707**	**8.165.158.407**

ông Nguyễn Văn Quý
Kế toán trưởng

ông Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Ngày 17 tháng 2 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX được thành lập theo công văn số 589/CP-ĐMDN ngày 8 tháng 5 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002925 ngày 23 tháng 9 năm 2003, thay đổi lần thứ 4 ngày 12 tháng 8 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay và các năm trước là sản xuất, tư vấn và cung cấp phần mềm; mua bán, lắp đặt, sửa chữa máy tính, phần mềm và các thiết bị điện tử, tin học và tự động hóa…

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1, Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định theo hướng dẫn trong thông tư 13/2006/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) dựa trên bằng chứng thích hợp về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo hướng dẫn trong Thông tư 13/2006/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tài sản cố định hữu hình và vô hình (ngoại trừ quyền sử dụng đất không có thời hạn) trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Khấu hao (tiếp theo)

Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 4 năm

Chi phí chờ phân bổ

Công cụ và vật tư có giá trị lớn sử dụng cho sản xuất được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong 2-5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm tài chính theo hướng dẫn trong Thông tư 82/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính, mức trích tối đa bằng 3% quỹ tiền lương nộp bảo hiểm xã hội.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

V. 1 TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	870.792.919	342.349.939
Tiền gửi ngân hàng	3.568.877.788	7.822.808.468
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	-
Cộng	**9.439.670.707**	**8.165.158.407**

V. 2 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	68.006.438	210.913.677
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.610.049.856	4.695.163.747
Hàng hóa	84.962.695	93.708.797
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**4.763.018.989**	**4.999.786.221**

V. 3 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	813.156.639	1.395.375.589
Cộng	**813.156.639**	**1.395.375.589**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

V. 4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	PT vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	680.421.191	813.128.032	2.553.139.091	4.046.688.314
Tăng trong năm	673.694.029	-	1.106.009.771	1.779.703.800
Mua sắm	*673.694.029*	-	*1.106.009.771*	*1.779.703.800*
Giảm trong năm	125.283.763	-	973.192.757	1.098.476.520
Thanh lý, nhượng bán	*125.283.763*	-	*973.192.757*	*1.098.476.520*
Số cuối năm	1.228.831.457	813.128.032	2.685.956.105	4.727.915.594
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	578.470.802	654.390.517	2.083.645.511	3.316.506.830
Tăng trong năm	104.379.490	*57.420.456*	413.738.098	575.538.044
Trích khấu hao	*104.379.490*	*57.420.456*	*413.738.098*	*575.538.044*
Giảm trong năm	123.583.763	-	970.890.252	1.094.474.015
Thanh lý, nhượng bán	*123.583.763*	-	*970.890.252*	*1.094.474.015*
Số cuối năm	559.266.529	711.810.973	1.526.493.357	2.797.570.859
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	101.950.389	158.737.515	469.493.580	730.181.484
Số cuối năm	669.564.928	101.317.059	1.159.462.748	1.930.344.735

V. 5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	818.627.891	-	818.627.891
Tăng trong năm	17.550.000	-	17.550.000
Mua sắm	*17.550.000*	-	*17.550.000*
Giảm trong năm	818.627.891	-	818.627.891
Thanh lý, nhượng bán(*)	*818.627.891*	-	*818.627.891*
Số cuối năm	17.550.000	-	17.550.000
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	791.219.609	-	791.219.609
Tăng trong năm	18.759.684	-	18.759.684
Trích khấu hao	*18.759.684*	-	*18.759.684*
Giảm trong năm	809.491.793	-	809.491.793
Thanh lý, nhượng bán	*809.491.793*	-	*809.491.793*
Số cuối năm	487.500	-	487.500
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	27.408.282	-	27.408.282
Số cuối năm	17.062.500	-	17.062.500

(*): Năm nay công ty không còn sử dụng một số phần mềm cũ nữa (chủ yếu về tự động hóa, quản lý cửa hàng) nên các phần mềm này coi như bị thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

V. 6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	279.816.836	346.546.181
Cộng	**279.816.836**	**346.546.181**

V. 7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	839.642.331	914.042.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp	840.775.004	394.495.965
Thuế thu nhập cá nhân	123.901.244	151.578.803
Các loại thuế khác	3.574.453	-
Cộng	**1.807.893.032**	**1.460.117.135**

V. 8 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Qũy đầu tư phát triển	Qũy dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	**13.493.052.667**	**-**	**10.000.000**	**2.426.294.825**	**15.929.347.492**
Tăng trong năm	**1.079.444.213**	**404.055.183**	**-**	**3.702.639.201**	**5.186.138.597**
- Tăng vốn trong năm	1.079.444.213	-	-	-	1.079.444.213
- Trích quỹ từ lợi nhuận	-	404.055.183	-	-	404.055.183
- Lãi trong năm	-	-	-	3.702.639.201	3.702.639.201
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**(2.426.294.825)**	**(2.426.294.825)**
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.426.294.825)	(2.426.294.825)
Số dư cuối năm	**14.572.496.880**	**404.055.183**	**10.000.000**	**3.702.639.201**	**18.689.191.264**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	*Giá trị*	*Tỷ lệ*
Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam	7.435.800.000	51,0%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	2.916.000.000	20,0%
Công ty CP ĐTPT CNĐT viễn thông (ELCom Corp)	97.200.000	0,7%
Công ty TNHH dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	615.600.000	4,2%
Các cổ đông cá nhân	3.507.896.880	24,1%
TỔNG CỘNG	**14.572.496.880**	**100%**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

VI. 1 DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	**54.580.996.040**	**48.556.151.395**
Trong đó		
Doanh thu kinh doanh thiết bị	27.004.599.226	29.092.515.679
Doanh thu cung cấp dịch vụ và phần mềm	27.576.396.814	19.463.635.716
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	**8.857.287**
Hàng bán bị trả lại	-	8.857.287
Doanh thu thuần	**54.580.996.040**	**48.547.294.108**

VI. 2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thiết bị đã bán	24.139.881.754	27.052.365.174
Giá vốn của dịch vụ và phần mềm đã cung cấp	17.615.395.758	11.061.536.313
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	88.932.860
Cộng	**41.755.277.512**	**38.202.834.347**

VI. 3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	610.746.541	258.411.184
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.579.518	15.915.215
Cộng	**615.326.059**	**274.326.399**

VI. 4 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	488.066.766	2.718.207.896
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	119.062.199	1.891.843.345
Chi phí khấu hao TSCĐ	341.496.038	650.718.088
Chi phí dự phòng bảo hành	452.362.795	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.382.598	708.444.580
Chi khác bằng tiền	-	167.589.168
Cộng	**1.975.370.396**	**6.136.803.077**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VI. 5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.839.536.890	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	150.903.609	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	252.801.690	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.399.818.734	-
Cộng	**6.671.540.923**	**-**

Năm trước do công ty chưa phân tách được chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nên chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp năm trước không có số để so sánh.

VI. 6 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**4.767.941.646**	**4.434.884.053**
Các khoản điều chỉnh tăng	558.570.582	-
Tiền bị phạt vi phạm	*6.570.582*	-
Thù lao HĐQT không tham gia quản lý	*552.000.000*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế chưa cân trừ lỗ năm trước	**5.326.512.228**	**4.434.884.053**
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.613.611.001)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành	**5.326.512.228**	**2.821.273.052**
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN ước tính năm hiện hành	**1.065.302.446**	**564.254.610**
Thuế TNDN được giảm 30% của năm 2009	-	169.276.383
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.065.302.446**	**394.978.227**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

VII. 1 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 17 tháng 2 năm 2011.

ông Nguyễn Văn Quý	ông Phan Thanh Sơn
Kế toán trưởng	Giám đốc

Ngày 17 tháng 2 năm 2011